

CÔNG TY TNHH VNA.SOFT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VNA.SOFT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNA.SOFT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VNA.SOFT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110885267

3. Ngày thành lập: 08/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Thắng Lợi, Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986919580

Fax:

Email: info.vna.soft@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
3.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
4.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
5.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	4761
6.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
7.	In ấn (Trừ in, tráng bao bì kim loại; in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan)	1811(Chính)
8.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
9.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
10.	Dịch vụ ăn uống khác Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường	5629

11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh	8299
12.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Không bao gồm Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Loại trừ: Bán buôn dược phẩm	4669
18.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng)	4764
19.	Bán buôn tổng hợp (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4690
20.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
21.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
22.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
23.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
24.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
25.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
26.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
27.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
28.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
29.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
30.	Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã)	4632
31.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

32.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
34.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
35.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
36.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4791
37.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động đầu giá	4799
38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ cho thuê máy bay)	7730
39.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
40.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
41.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động báo chí)	6399
42.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ Trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
43.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; tư vấn chứng khoán)	7490
44.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
45.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
46.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Không gồm hoạt động của các sàn nhảy; hoạt động của các phòng hát karaoke; các hoạt động nhà nước cấm)	9329
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường	5610
48.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường	5621

